

Số/ No.: 47-2023/QĐ-HĐTV-YSVN

Tp. HCM, ngày (day) 18 tháng (month) 10 năm (year) 2023

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM
COUNCIL OF MEMBERS
YUANTA SECURITIES VIETNAM LIMITED COMPANY

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
Law on Enterprises, Law on Securities and guidance documents
- Điều lệ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Yuanta Việt Nam (“Công ty”) và;
The Charter of Yuanta Securities Vietnam Limited Company (“Company”)
- Biên bản họp HĐQT số 11-2023/BB-HĐTV-YSVN ngày 18/10/2023.
The meeting minutes of Council of Members no. 11-2023/BB-HĐTV-YSVN dated on 18 October 2023.

QUYẾT ĐỊNH
DECIDED

Điều 1/ Article 1: Thông qua việc sửa đổi Chính sách hoạt động kinh doanh giao dịch ký quỹ tại Công ty.
To approve to revise Margin Financing Business Policy of the Company.

Điều 2/ Article 2: Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban và cá nhân liên quan khác có trách nhiệm thi hành Quyết định này.
The Council of Members, the Board of Management, the other related departments and individuals are responsible for implementing this decision.

Điều 3/ Article 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
This decision is effective from the signing date.

T/M. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM
ON BEHALF OF COUNCIL OF MEMBERS
YUANTA SECURITIES VIETNAM LIMITED COMPANY



Chao, Jen-Kai
Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Chairman of Council of Members

Yuanta Securities Vietnam Limited Company
Công ty TNHH Chứng khoán Yuanta Việt Nam

MARGIN FINANCING BUSINESS POLICY
Chính sách hoạt động kinh doanh giao dịch ký quỹ

Chapter 1 General Provisions
Chương 1 Điều khoản chung

Article 1
Điều 1

To establish Risk Management Standards for Margin Financing business so as to ensure adherence of integrity, validity, rationality.

Chính sách này thiết lập các tiêu chuẩn quản lý rủi ro để đảm bảo sự chính trực, hợp lý và hợp lệ trong hoạt động kinh doanh giao dịch ký quỹ.

Article 2 Scope
Điều 2 Phạm vi áp dụng

1. This is applicable to the risk management of the Margin Financing business.
Chính sách này áp dụng cho việc quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh giao dịch ký quỹ.
2. Margin Financing business is only applicable to securities listed on the Stock Exchange.
Giao dịch ký quỹ chỉ áp dụng cho các loại chứng khoán đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

Article 3 Definitions
Điều 3 Các định nghĩa

1. **Margin Trading:** Trading of securities where Yuanta Securities Vietnam Limited Company ("the Company") lends Margin Client money to buy securities under Margin Account.
Giao dịch ký quỹ: là giao dịch chứng khoán mà Công ty TNHH Chứng khoán Yuanta Việt Nam ("Công ty") cho Khách hàng vay tiền để mua chứng khoán trên Tài khoản Ký Quỹ.
2. **Margin Client (Client):** A client who opens a Margin Account at the Company.
Khách hàng Ký Quỹ (Khách hàng): là Khách hàng đã mở Tài khoản Ký Quỹ tại Công ty.
3. **Credit Limit ("CL"):** The maximum amount the Company will provide Margin Client the financing to buy securities and shall be applied to Margin Account.
Hạn mức giao dịch ký quỹ (Hạn mức): là số tiền tối đa mà Công ty cho Khách hàng vay để mua chứng khoán trên Tài khoản Ký Quỹ.
4. **Limit Price:** The maximum market price that the Company could accept for the stock.
Giá Chặn: là mức giá thị trường tối đa mà Công ty chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ đối với cổ phiếu.
5. **Haircut Rate:** The rate of deduction applied upon the market value of the stock.
Tỷ lệ chiết khấu: là tỷ lệ giảm trừ trên giá thị trường của cổ phiếu

6. **Total Assets:** The total amount of cash, sold amount, cash dividend, and market value of securities for Margin Trading ("LMV") in Margin Account of Margin Client, in which, the market value of securities for Margin Trading is calculated as follows:
Tài sản bảo đảm (TSBD) là toàn bộ giá trị tiền mặt, tiền bán chứng khoán đang chờ về, cổ tức tiền mặt đang chờ về và giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ trên Tài khoản Ký quỹ của Khách hàng, trong đó tổng thị giá của chứng khoán là:
7. **Liabilities:** The total margin financing amount owed by Margin Client to the Company.
Dư nợ Ký Quỹ là tổng số tiền mà Khách hàng đang nợ Công ty.
8. **Initial Margin ("IM"):** The minimum amount of money that Margin Client must keep in Margin Account before he/she buys securities for Margin Trading.
Ký Quỹ Ban Đầu (IM): là số tiền tối thiểu mà Khách hàng Ký Quỹ phải có trong Tài khoản Ký Quỹ trước khi bắt đầu thực hiện giao dịch ký quỹ.
9. **Maintenance Margin:** The minimum amount of money that must be kept in the Margin Account on any day other than the day of a transaction.
Ký Quỹ Duy Trì: là số tiền tối thiểu phải có trong Tài khoản Ký quỹ tại một ngày bất kỳ khác ngày thực hiện giao dịch.
10. **Margin Requirement:** The sum of all Initial Margin that Margin Client is required to set aside for all his/her purchases.
Giá Trị Ký Quỹ: là tổng số tiền Ký Quỹ Ban Đầu của Khách hàng cho tất cả lệnh mua giao dịch ký quỹ.
11. **Equity:** The Total Assets of Margin Client which is considered as his/her contribution after deducting the Liabilities.
Tài Sản Thực Có: là giá trị TSBD trong Tài khoản Ký Quỹ của Khách hàng trừ đi Dư nợ Ký quỹ.
12. **Excess Equity ("EE"):** Equity of Margin Client which exceeds the amount that he/she is required to set aside for his/her trading position. In the System, this is referred to as EE.
Giá Trị Dư Ký Quỹ (EE): là phần hiệu số giữa tài sản giữa Tài Sản Thực Có và Giá Trị Ký Quỹ của Khách hàng.
13. **Purchasing Power ("PP"):** The available trading amount calculated as follows:
Số Mua (PP): là giá trị giao dịch có sẵn trên Tài khoản Ký quỹ được tính bằng công thức
14. **Single Client's Financing Limit:** The maximum amount the Company will finance a single Margin Client or a group of affiliated people for Margin Financing.
Hạn Mức Khách Hàng: là số tiền tối đa Công ty cho một Khách hàng hoặc một nhóm Khách hàng vay giao dịch ký quỹ.
15. **Single Stock Financing Limit:** The maximum amount the Company will finance a single stock for Margin Financing.
Hạn Mức Cổ Phiếu: là số tiền tối đa mà Công ty cho vay đối với 1 cổ phiếu được giao dịch ký quỹ.
16. **Margin Ratio is defined as follows:**
Tỷ Lệ Ký Quỹ được định nghĩa như sau:

17. **Margin Call:** A condition that Margin Client shall top up additional collateral or self securities to rectify the Margin Ratio when Margin Ratio falls below Maintenance Margin Ratio.
Yêu cầu ký quỹ bổ sung: Khách hàng phải bổ sung TSBĐ hoặc bán cổ phiếu khi Tỷ Lệ Kỳ Quỹ thấp hơn Tỷ Lệ Kỳ Quỹ Duy Trì.
18. **Force Sell:** A condition that Margin Client shall top up additional collateral or self securities to rectify the Margin Ratio when Margin Ratio falls below Minimum Maintenance Margin Ratio.
Xử lý TSBĐ: Khách hàng phải bổ sung TSBĐ hoặc bán cổ phiếu khi Tỷ Lệ Kỳ Quỹ thấp hơn Tỷ Lệ Kỳ Quỹ Duy Trì tối thiểu.
19. **Total Margin Exposure Limit of the Company:** The maximum amount the Company lends to all its Margin Clients for Margin Financing under all Margin Accounts.
Hạn mức Công ty: là số tiền tối đa mà Công ty cho toàn bộ Khách hàng vay giao dịch ký quỹ trên Tài khoản Kỳ quỹ.
20. **Limit Increase:** The Sales may request a limit increase in Credit Limit for his/her Margin Client depending on his/her client's demand. The increased limit, once approved, shall be effective unless there is any further adjustment in limit officially.
Hạn mức tăng thêm: NVQLTK đề nghị tăng thêm Hạn mức theo nhu cầu Khách hàng. Hạn mức tăng thêm có hiệu lực ngay khi được phê duyệt trừ khi có thông báo điều chỉnh
21. **Stock Exchange:** Including the Vietnam Exchange (VNX), Ho Chi Minh Stock Exchange (HSX) and Ha Noi Stock Exchange (HNX).
Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam (VNX), Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX) và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
22. **Regulators:** Including Stock Exchange, State Securities Commission of Vietnam (SSC), and Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC).
Cơ quan quản lý bao gồm các Sở Giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước (SSC) và Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).
23. **Company's Equity:** The equity amount reported to the Regulators based on the Company's latest audited/examined financial statements.
Vốn chủ sở hữu của Công ty được xác định tại Báo cáo tài chính kiểm toán hoặc Báo cáo soát xét gần nhất.
24. **Y:** The amount equals to 3% of the Company's Equity.
Y: giá trị tương đương 3% Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Chapter 2 Identifying Credit Risk
Chương 2 Nhận diện rủi ro tín dụng

Article 4
Điều 4

The Company is exposed to the following credit risk in carrying out Margin Financing:
Công ty có thể đối mặt với các rủi ro tín dụng sau đây khi cho vay giao dịch ký quỹ:

1. When the clients do not pay their outstanding overdue which is beyond their financial resources, the Company may suffer financial loss.
Chịu tổn thất khi Khách hàng không thể hoàn trả dư nợ quá hạn do khoản nợ vượt quá khả năng tài chính của họ.
2. When the clients fail to top up the margin call or force sell by due date, the Company will have to force sell their position and may suffer loss if the clients fail to top up their overloss.
Khi Khách hàng không ký quỹ bổ sung đúng và đủ theo thông báo yêu cầu ký quỹ bổ sung và Công ty thực hiện xử lý TSBĐ của Khách hàng, việc này gây ra tổn thất cho Công ty nếu Khách hàng không hoàn trả cho khoản tổn thất đó.

Chapter 3 **Managing Client's Limit**
Chương 3 **Quản lý Hạn mức của Khách hàng**

Article 5 **Assessment of Client's Credit Limit**
Điều 5 **Đánh giá Hạn mức của Khách hàng**

1. There are 2 types of accounts, namely Cash Account and Margin Account. Client shall have Cash Account before he/she requests to open Margin Account.
 Có 2 loại tài khoản, Tài khoản Thông thường và Tài khoản Ký quỹ. Khách hàng phải có Tài khoản Thông thường trước khi mở Tài khoản Ký quỹ
2. Cash Account allows a client to purchase securities and the client is required to deposit 100% cash prior to trading. It is not allowed for the client to borrow cash from the Company.
 Tài khoản Thông thường cho phép Khách hàng giao dịch cổ phiếu và Khách hàng phải ký quỹ 100% tiền mặt trước khi giao dịch. Công ty không cho Khách hàng vay trên Tài khoản Thông thường.
3. Margin Account is a trading account via which a client borrowed money from the Company to purchase securities. The client must deposit collateral (cash and/or securities) equivalent to the Initial Margin (minimum 50%). Client is charged an interest for margin loan. Client may have Margin Account at the Company.
 Tài khoản Ký quỹ là tài khoản mà Khách hàng vay tiền của Công ty để thực hiện giao dịch. Khách hàng phải có TSBĐ (tiền và/hoặc cổ phiếu) tương đương với Ký quỹ ban đầu (tối thiểu 50%) trước khi giao dịch. Khách hàng bị thu lãi trên khoản dư nợ phát sinh.
4. The Cash Account, Margin Account, and Credit Limit for Margin Account are subject to the following collateral requirement and maximum limit:
 Tài khoản Thông thường, Tài khoản Ký quỹ và Hạn mức phải tuân thủ các yêu cầu như sau:

Account Type Loại tài khoản	Collateral Requirement Yêu cầu Tài sản bảo đảm	Acceptable Collateral Tài sản bảo đảm	Regulatory Cap on Limit Hạn mức tuân thủ
Cash Account Tài khoản thông thường	100%	Cash Tiền mặt	No regulatory cap Không giới hạn
Margin Account Tài khoản Ký quỹ	Depending on specific IM determined by the Company Phụ thuộc vào IM theo quy định của Công ty	Cash or other securities on the Company's List of Marginable Securities Tiền hoặc cổ phiếu được quy định trong danh mục cho vay ký quỹ của Công ty	Credit Limit must not exceed 3% of the Company's Equity Hạn mức tối đa không được vượt quá 3% Vốn chủ sở hữu của Công ty

5. Risk Management Department ("RMD") shall review the Evidence Submitted, refer to the Maximum Credit Limit as follows, and recommend the appropriate Credit Limit for Margin Account.
 Phòng Quản lý rủi ro (RMD) kiểm tra các chứng từ của Khách hàng, tham chiếu theo Hạn mức tối đa bên dưới và trình phê duyệt Hạn mức cho Tài khoản Ký quỹ.

Article 6 Procedures for Application of Account and Limit
Điều 6 Quy trình cấp Hạn mức

1. Application for Credit Limit
Đề nghị cấp Hạn mức

- i. Clients fill up the Margin Application Form/Contract consists of client's profile, margin facility credit limit requested for, and evidence submitted, if have. The documents/applications/contracts shall strictly follow the Company's procedure of opening a Margin Account from time to time.
Khách hàng điền đầy đủ thông tin vào mẫu biểu và cung cấp chứng từ, nếu có. Các mẫu biểu phải tuân theo Quy trình mở Tài (choán Kỳ quỹ) của Công ty từng thời kỳ.
- ii. RMD will review the application such as preparing credit score chart for KYC and other relevant information (if applicable) before recommending appropriate credit limit for approval. Approval will be sought in accordance with the Authorized Approving Authority.
RMD xem xét yêu cầu, thẩm định hồ sơ Khách hàng và trình phê duyệt Hạn mức phù hợp. Hạn mức được phê duyệt theo thẩm quyền.
- iii. For the credit limit that exceeds Maximum Credit Limit based on the Evidence Submitted, the approval shall be sought from the Authorized Approving Authority of next upper level. As for the credit limit that exceeds Maximum Credit Limit based on the Evidence Submitted and that shall originally seek the approval from the top Authorized Approving Authority (Full Risk Management Committee ("RMC") and any 3 Council of Members ("COM"), the approval application shall be proposed to the COM and seek for the approval of the COM.
Đề nghị Hạn mức vượt quá Hạn mức tối đa dựa trên các chứng từ cung cấp, phải được sự đồng ý của Thẩm quyền phê duyệt cao hơn. Trường hợp Hạn mức vượt quá Hạn mức tối đa và phải được sự đồng ý của cấp phê duyệt cao nhất (Toàn bộ RMC và 3 COM) thì Tài trình phải được trình và nhận được sự đồng thuận của tất cả thành viên COM.
- iv. Foreign Clients shall not be allowed to apply for Margin Account and Credit Limit.
Khách hàng nước ngoài không được mở Tài khoản Kỳ quỹ và cấp Hạn mức.

2. The Authorized Approving Authority for Credit Limit is as follows:

Thẩm quyền phê duyệt đối với Hạn mức như sau:

3. RMD may grant client's Credit Limit through the Back Office System, following the aforementioned Procedures for Application of Account and Limit. This Credit Limit will be effective on the same trading date after the approval has been sought in accordance with the Authorized Approving Authority.

RMD cấp Hạn mức Khách hàng trên Phần mềm nghiệp vụ, tuân thủ Quy trình cấp Hạn mức. Hạn mức có hiệu lực ngay khi được phê duyệt theo Thẩm quyền.

Article 7 Procedure for Increasing Credit Limit

Điều 7 Quy trình tăng Hạn mức

1. Sales may apply for increasing Credit Limit on behalf of his/her client, based on the client's financial condition, trading/investment track records and portfolio status. Application may be made via e-mail or through Intranet for approval. E-mail approval needs to be filed for record.

NVQLTK đề nghị tăng Hạn mức theo yêu cầu của Khách hàng dựa trên tình hình tài chính, lịch sử giao dịch và danh mục của họ. Yêu cầu được thực hiện thông qua Thư điện tử hoặc hệ thống nội bộ. Thư điện tử phê duyệt phải được lưu trữ.

2. RMD shall review the client's financial condition, trading/investment track records and portfolio status, and seek approval from respective level of authority in accordance with Article 6. Approval may be sought via email. E-mail approval must be filed for record.

RMD thẩm định tình hình tài chính, lịch sử giao dịch và danh mục của Khách hàng, trình phê duyệt cấp thẩm quyền theo quy định tại Điều 6. Phê duyệt có thể thực hiện qua thư điện tử. Thư điện tử phê duyệt phải được lưu trữ.

Article 8 Reduction and Termination of Credit Limit

Điều 8 Quy trình giảm và tạm ngưng Hạn mức

If RMD has any doubt on a client's credibility, it may propose to reduce or terminate the client's Credit Limit. The approval of Head of RMD shall then be sought.

Trường hợp có nghi ngờ về khả năng thanh toán của Khách hàng, RMD giảm hoặc tạm ngưng Hạn mức của Khách hàng. Trường hợp này cần sự đồng ý của Giám đốc RMD.

Article 9 Review of Limit

Điều 9 rà soát Hạn mức

1. RMD shall perform an annual review of clients' Credit Limit with the amount more than VND 5 billion.

Định kỳ hàng năm, RMD thực hiện rà soát Hạn mức có giá trị trên 5 tỷ đồng

2. The approving process to adjust client's Credit Limit shall comply with Article 6 and Article 8.

Quy trình cấp Hạn mức phải tuân thủ Điều 6 và Điều 8.

Chapter 4 Managing Stocks In Margin Account
Chương 4 Quản lý Danh mục chứng khoán giao dịch ký quỹ

Article 10 Selection of Marginable Securities
Điều 10 Lựa chọn cổ phiếu cho vay giao dịch ký quỹ

1. The Company's marginable securities shall be in accordance with the marginable stock list announced by the Stock Exchange regularly.
Danh sách chứng khoán giao dịch ký quỹ của Công ty phải phù hợp với danh sách cổ phiếu được giao dịch ký quỹ của Sở giao dịch chứng khoán công bố định kỳ.
2. In selecting the stock into the List of Marginable Securities, several fundamental variables including but not limited to financial ratios and quantitative indicators are used.
Quá trình lựa chọn cổ phiếu cho vay giao dịch ký quỹ bao gồm nhưng không giới hạn các tiêu chí về chỉ tiêu tài chính và các chỉ tiêu về định lượng.
3. **Prohibited Securities**
Cổ phiếu không được cho vay giao dịch ký quỹ
4. RMD shall review List of Marginable Securities quarterly based on the characteristics of the shares (such as liquidity, volatility, fundamentals, financial status, etc.) and daily corporate/economic news. Approval of RMC and CEO shall be sought for additional new stocks and those stocks' respective IM ratios.
RMD đánh giá hàng quý Danh sách chứng khoán giao dịch ký quỹ dựa trên các tiêu chuẩn (như thanh khoản, tính biến động, tiêu chí cơ bản, các chỉ tiêu tài chính...), và các tin tức liên quan đến doanh nghiệp, tình hình kinh tế. Thêm mới cổ phiếu vào danh sách ký quỹ phải được phê duyệt bởi RMC và CEO.

IM adjustment is divided into two types:

Điều chỉnh IM của cổ phiếu được chia thành 2 loại:

- i. IM upgrading, such as upgrading from IM 60% to IM 50%; approval of RMC and CEO shall be sought, since it increases risk exposure to the company. The haircut rate, if being applied, of the upgraded stocks shall be waived after the IM upgrading.
Hạ IM, ví dụ hạ IM từ 60% thành 50%; phải được phê duyệt bởi RMC và CEO vì việc này tăng rủi ro cho Công ty. Trường hợp cổ phiếu được hạ IM thì tỷ lệ điều chỉnh TSBE đang áp dụng sẽ bị vô hiệu.
- ii. IM downgrading such as downgrading from IM 50% to IM 60%, or deletion of stock from the List of Marginable Securities; approval of Head of RMD shall be sought, since it decreases risk exposure to the company. RMD shall apply a haircut rate to the valuation of collaterals for all downgraded stocks. The applied haircut rate shall not be lower than the stated haircut rate in the following table:
Tăng IM từ 50% thành 60% hoặc loại cổ phiếu khỏi Danh mục phải được Giám đốc QLRF đồng ý vì việc này giảm rủi ro cho Công ty. RMD áp dụng Tỷ lệ điều chỉnh giảm TSBE cho tất cả các trường hợp tăng IM theo bảng sau:

iii. Approval may be sought via email. E-mail approval must be filed for record.
Phê duyệt thực hiện qua thư điện tử. Thư điện tử phê duyệt phải được lưu trữ.

5. RMD shall reserve the right to adjust the limit price of marginable stock according to market situation and risk information.

RMD toàn quyền điều chỉnh giá chặn của cổ phiếu giao dịch ký quỹ theo tình hình thị trường và thông tin về rủi ro.

6. The criteria used to determine IM ratio of each marginable stock are as follows:

Các tiêu chí được sử dụng để xác định IM của mã cổ phiếu cho vay giao dịch ký quỹ

i. Price Indicators: weekly/ quarterly/ semi-annually/ annually Price change

Biến động về giá: tuần/quý/nửa năm/hàng năm

ii. Liquidity Indicators: weekly/ quarterly/ semi-annually/ annually turnover

Biến động về thanh khoản: tuần/quý/nửa năm/hàng năm

iii. Financial Indicators: PE, PB...

Các tiêu chí tài chính: PE, PB...

iv. Other Indicators

Các tiêu chí khác

These could be adjusted for familiarity with the business of the Company and market status in each period of time. Any adjustment of criteria for determining IM ratio shall have a consensus of RMC and CEO.

Các tiêu chí này được điều chỉnh cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình thị trường trong từng thời kỳ. Mọi sự điều chỉnh tiêu chí xác định tỷ lệ IM cần có sự thống nhất của RMC và CEO.

7. In the event that a stock is taken out from List of Marginable Securities, the Company shall refer to Chapter 7 to execute margin call or force sell procedure. If there is a request for not executing margin call or force sell due to business demand, please refer to Article 16 to apply exceptional management.

Trường hợp cổ phiếu bị loại khỏi Danh mục, Công ty thực hiện theo quy trình xử lý TSBĐ tại Chương 7. Trường hợp không xử lý TSBĐ thì áp dụng quy trình phê duyệt ngoại lệ tại Điều 16.

Article 11 Suspended Stock

Điều 11 Cổ phiếu bị tạm ngưng giao dịch

1. The market price of stocks suspended for due to negative news shall immediately be set to zero.

Giá thị trường của cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch liên do có tin tức tiêu cực phải ngay lập tức giảm về 0.

2. Any suspended stocks shall immediately be taken out of the List of Marginable Securities until it is recovered.

Bất kỳ cổ phiếu nào bị đình chỉ giao dịch thì cần phải loại khỏi danh mục ký quỹ ngay lập tức.

Chapter 5 Purchasing Power and Lending Amount

Chương 5 Sức mua và Số tiền cho vay

Article 12 The calculation of Purchasing Power and Lending Amount

Điều 12 Công thức tính sức mua và số tiền cho vay

In Margin Account, the formula for Purchasing Power ("PP") is stipulated as Article 3.

Công thức tính Sức Mua của Tài khoản ký quỹ được quy định tại Điều 3.

Chapter 6 Overall Risk Management
Chương 6 Tổng quan về quản lý rủi ro**Article 13 Total Margin Exposure Limit, Single Client's Margin Exposure Limit and Single Stock Financing Limit****Điều 13** Tổng Hạn mức cho vay của Công ty, Hạn mức đối với 1 Khách hàng và Hạn mức cho 1 cổ phiếu

1. Total Margin Exposure Limit of the Company shall not exceed _____ of the Company's Equity.
Hạn mức Công ty không được vượt quá _____ Vốn Chủ sở hữu của Công ty.
2. RMD shall set the Company's Equity into the back system after confirming the audited/examined financial statement.
RMD cài đặt Vốn Chủ sở hữu vào Phần mềm nghiệp vụ sau khi BCTC kiểm toán/soát xét được công bố.
3. Single Client's Margin Exposure Limit shall not exceed _____ of the Company's Equity.
Hạn mức Khách hàng không được vượt quá _____ Vốn chủ sở hữu của Công ty.
4. Single Stock Financing Amount of an individual Client who holds a specific stock =
Giới hạn cho vay lẻ của một mã cổ phiếu đối với 1 Khách hàng =
 - i. Single Stock Financing Limit shall not exceed _____ of the Company's Equity. Also, for each IM, Single Stock Financing Limit shall not exceed the following threshold unless approved by RMC and CEO.
Hạn mức cổ phiếu không được vượt quá _____ Vốn Chủ sở hữu của Công ty. Ngoài ra, tương ứng với từng Tỷ Lệ Kỳ Quỹ, Hạn mức cổ phiếu không được vượt quá các ngưỡng quy định từ khi được sự đồng ý của RMC và CEO.
 - ii. Single Stock Financing Limit shall not exceed _____ of the number of listed shares of the underlying stock.
Hạn mức cổ phiếu không được vượt quá _____ số tương cổ phiếu niêm yết của mã cổ phiếu đó.
5. For raising Total Margin Exposure Limit of the Company, Single Client's Margin Exposure Limit, or Single Stock Financing Limit to meet business necessity, RMD shall propose and seek for the approval of RMC and CEO.
Các đề xuất tăng Hạn mức Công ty, Hạn mức Khách hàng, hoặc Hạn mức cổ phiếu theo đề xuất của Kinh doanh, RMD trình phê duyệt của RMC và CEO.
6. For a breach of the Total Margin Exposure Limit of the Company, RMD shall immediately review and make risk analysis elaborating reasons and report to RMC and CEO to seek approval for the following actions.
Trường hợp vượt Hạn mức Công ty, RMD ngay lập tức đánh giá và báo cáo rủi ro, trình RMC và CEO phê duyệt phương án xử lý.
7. For a breach of Single Client's Margin Exposure Limit or Single Stock Financing Limit, RMD shall immediately review the following, make risk analysis, and report to RMC and CEO to seek approval for the following actions.
 - i. If the underlying stock is concentrated on specific clients.
 - ii. If any client's portfolio is concentrated on the specific stock.
 - iii. If any client is the major shareholder or internal person of the specific stock.
 - iv. If any client is an affiliated person of the major shareholder or internal person of the specific stock.
Trường hợp vượt Hạn mức Khách hàng hoặc Hạn mức cổ phiếu, RMD ngay lập tức đánh giá, báo cáo rủi ro và trình RMC và CEO phê duyệt phương án xử lý.
 - i. Nếu dư nợ của cổ phiếu tập trung cao vào 1 với Khách hàng.
 - ii. Nếu danh mục của Khách hàng tập trung vào cổ phiếu đó.

- iii. Nếu Khách hàng là cổ đông lớn, người nội bộ của Doanh nghiệp.
- iv. Nếu Khách hàng thuộc nhóm Khách hàng có liên quan đến cổ đông lớn, người nội bộ của Doanh nghiệp

Article 14 Related Account Limit for Affiliated People
Điều 14 Hạn mức nhóm Khách hàng

1. The Margin account is not opened for the following entities:
Tài khoản Kỳ quỹ không được mở cho các đối tượng sau đây:
 - (a) The owner, major shareholders, capital-contributing members, members of the Council of Members/Member Boards, members of the Control Board, the General Director (Director), the Chief Accountant of the Company, other positions assigned by the Council of Members/Member Board/owner of the Company and the persons related to the aforesaid persons;
Chủ sở hữu, cổ đông lớn, thành viên góp vốn, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty, các chức danh khác do Hội đồng thành viên bổ nhiệm và người có liên quan đến các đối tượng này;
 - (b) The legal entities undergoing the process of dissolution or bankruptcy according to effective laws;
Các pháp nhân đang trong quá trình giải thể hoặc phá sản theo pháp luật hiện hành;
 - (c) The entities that violate the margin account contracts according to the regulations of the Company.
Các đối tượng vi phạm Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ theo quy định của Công ty.
2. The Related Account Limit for a group of affiliated people shall not exceed _____ of the Company's Equity.
Hạn mức cho nhóm Khách hàng không được vượt quá _____
3. An affiliated means an individual or organization with interactive relations in the following's circumstances:
Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau:
 - (a) Parents, adopted parents, father- or mother-in-law, spouses, children, adopted children, son- or daughter-in-law, siblings, brother- or sister-in-law of any such individual;
Cha mẹ, cha mẹ nuôi, cha mẹ chồng, cha mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - (b) Organizations in which there are individuals who are staff, the director or general director, or the owner of more than ten (10) per cent of the voting shares in circulation;
Tổ chức trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc người sở hữu trên mười (10) phần trăm số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - (c) Members of the board of management or board of controllers, the director or general director and the deputy director or deputy general director and other managerial personnel of such organization;
Thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, giám đốc hoặc tổng giám đốc, phó giám đốc hoặc phó tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của tổ chức đó;
 - (d) Any organization or individual that directly or indirectly supervises or is directly or indirectly supervised by another organization or individual; two organizations or individuals under the management of the same entity;
Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp giám sát hoặc chịu sự giám sát trực tiếp hoặc gián tiếp của tổ chức, cá nhân khác; hai tổ chức, cá nhân cùng chịu sự quản lý của một chủ thể;
 - (e) A parent company and its subsidiaries;
Công ty mẹ và các công ty con;
 - (f) An organization or individual that is the representative of another organization or individual in a contract.
Tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân khác trong hợp đồng.
 - (g) A fund management company and the securities investment funds or investment companies under its management.
Công ty quản lý quỹ và quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư do công ty quản lý quỹ quản lý.

4. If the Related Account Limit for a group of affiliated people has been breached, RMD shall immediately review the following, make risk analysis and report to the RMC and CEO to seek approval for the following actions.
- If the group of affiliated people is exposed to the specific stock.
 - If anyone of the group of affiliated people is a major shareholder or internal person of the specific stock.
 - If anyone of the group of affiliated people is an affiliated person with a major shareholder or internal person of the specific stock.

Nếu Hạn mức nhóm Khách hàng vượt quá quy định, RMD ngay lập tức đánh giá, báo cáo rủi ro cho RMC và CEO và trình phương án xử lý

- Nếu nhóm Khách hàng đang tập trung vào một mã cổ phiếu nhất định.*
- Nếu bất kỳ ai trong nhóm Khách hàng là cổ đông lớn, người nội bộ của Doanh nghiệp.*
- Nếu bất kỳ ai trong nhóm Khách hàng là người có liên quan với cổ đông lớn, người nội bộ của Doanh nghiệp.*

Chapter 7 Margin Call and/or Force Sell
Chương 7 Quy trình yêu cầu ký quỹ bổ sung và xử lý TSBĐ

Article 15 Margin Call and/or Force Sell
Điều 15 Quy trình yêu cầu ký quỹ bổ sung và xử lý TSBĐ

1. Maintenance Margin Ratio and Minimum Maintenance Margin Ratio for Margin Account are defined as:
Tỷ Lệ Ký Quỹ Duy Trì và Tỷ Lệ Ký Quỹ Xử Lý cho Tài khoản ký quỹ được định nghĩa như sau:

Initial Margin (Tỷ lệ Ký quỹ Ban đầu) $\geq 50\%$
Maintenance Margin Ratio (Tỷ lệ Ký quỹ Duy trì)
Minimum Maintenance Margin Ratio (Tỷ lệ Ký quỹ Xử Lý)

2. Margin Call is triggered when Margin Ratio falls below Maintenance Margin Ratio (T+0). The Company will issue a letter on T+0's evening, requesting the client to top up either cash or securities within market days so that Margin Ratio can be restored back to Maintenance Margin Ratio.

Cuối ngày T+0, nếu Tỷ Lệ Ký Quỹ thấp hơn Tỷ lệ Ký quỹ Duy trì, Công ty gửi thông báo yêu cầu ký quỹ bổ sung cho Khách hàng. Khách hàng phải nộp ký quỹ bổ sung bằng tiền hoặc chứng khoán trong ngày giao dịch để đưa Tỷ Lệ Ký Quỹ về mức trên Tỷ lệ Ký quỹ Duy trì.

3. When the client under Margin Call does not top up and rectify Margin Ratio to Maintenance Margin Ratio within , the Company will institute force selling on before the market closes so that Margin Ratio can be restored back to Maintenance Margin Ratio.

Trường hợp Khách hàng không ký quỹ bổ sung tiền hoặc chứng khoán trong để đưa Tỷ Lệ Ký Quỹ về mức trên Tỷ lệ Ký quỹ Duy trì, Công ty xử lý TSBĐ trong ngày T+3 để đảm bảo Tỷ Lệ Ký Quỹ lớn hơn Tỷ lệ Ký quỹ Duy trì vào cuối ngày

4. When the Margin Ratio of the account falls below Minimum Maintenance Margin Ratio (T+0), the Company will institute force selling so that Margin Ratio can be restored back to Maintenance Margin Ratio if the client does not top up in the morning session of T+1.

Cuối ngày T+0, nếu Tỷ Lệ Ký Quỹ thấp hơn Tỷ lệ Ký quỹ Xử lý và Khách hàng không ký quỹ bổ sung trong buổi sáng của ngày T+1, Công ty xử lý TSBĐ để đảm bảo Tỷ Lệ Ký Quỹ lớn hơn Tỷ lệ Ký quỹ Duy trì vào cuối ngày T+1.

Chapter 8 Monitoring and Reporting
*Chương 8 Theo dõi và Báo cáo***Article 16 Exception Management**
Điều 16 Tờ trình ngoại lệ

1. When there is a request for not executing Margin Call or Force Sell due to business demand, Sales shall request for an exception, stating the reasons and potential risks, countersigned by RMD, and seek for the approval of RMC and CEO.
Khi Khách hàng đề nghị không xử lý TSBE, NVQLTK thực hiện Tờ trình ngoại lệ, nêu rõ lý do và rủi ro, được sự đồng ý của RMD và phê duyệt của RMC và CEO.
2. For raising Related Account Limit for a group of affiliated people, RMD shall request for an exception, stating the reasons and potential risks, and seek for the approval of RMC and CEO. The approved exception shall then be submitted to the COM for future reference.
Đối với đề nghị tăng Hạn mức nhóm Khách hàng, RMD thực hiện Tờ trình ngoại lệ, nêu rõ lý do và rủi ro, trình RMC và CEO phê duyệt. Tờ trình đã được phê duyệt phải được báo cáo cho COM.
3. Unless the expiry date was stated and approved, the expiry date of the exception report is limited to one month.
Từ khi ngày hết hạn được chỉ định và phê duyệt, ngày hết hạn của Tờ trình ngoại lệ được giới hạn trong một tháng.

Article 17
Điều 17

1. RMD shall monitor and report the risk management of margin financing business to YST RMD, RMC and CEO on a daily basis.
RMD giám sát và báo cáo rủi ro hàng ngày về hoạt động kinh doanh giao dịch ký quỹ cho YST RMD, RMC và CEO.
2. RMD shall report monthly margin business report to COM of the Company.
RMD báo cáo hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ hàng tháng cho COM.

Chapter 9 Implementation and Amendments
*Chương 9 Hiệu lực và thi hành***Article 18**
Điều 18

For matters not covered in this set of provisions, they shall adhere with the relevant internal/external laws and regulations and the relevant norms of the Company.
Các vấn đề không được đề cập trong chính sách này phải tuân thủ quy định pháp luật và các quy định khác của Công ty.

Article 19
Điều 19

The COM adopted this approach after the implementation of this set of provisions and any amendments thereto.
Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm thông qua các điều khoản của chính sách này và các sửa đổi có liên quan.